

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2018
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bình Nam

2. Bà Lê Huyền Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị H Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2018, về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Minh H**, sinh năm: 1984

Địa chỉ cư trú: Thôn Nước Ngọt, xã Cam Lập, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Bị đơn: Anh **Võ Đức Đ**, sinh năm: 1980

Địa chỉ cư trú: Thôn Nước Ngọt, xã Cam Lập, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2018, bản tự khai ngày 18/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trương Thị Minh H trình bày: Chị và anh Đ có thời gian tìm hiểu nhau được 02 năm, được sự đồng ý của hai gia đình, có tổ chức cưới hỏi và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006. Chị và anh Đ có đăng ký kết hôn và được UBND xã Cam Lập, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 15, quyển số 01/2006, cấp ngày 21/8/2006.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng

đến tháng 11/2017 thì vợ cH phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và chị bắt gặp tin nhắn tình tứ giữa hai bên, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh Đ vẫn tiếp tục qua lại với người phụ nữ đó nên vợ cH xảy ra cãi vã, xung đột; Từ tháng 4/2018 chị không còn chung sống với anh Đ, vợ cH ly thân từ đó đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị xác định tuy chị còn chút tình cảm với anh Đ nhưng vì anh Đ vẫn qua lại với người phụ nữ khác chị không chấp nhận nên chị kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Võ Đức Đ.

Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là: Võ Ngọc Thủy Tiên, sinh ngày: 23/8/2008; Võ Ngọc Thủy Kim, sinh ngày: 08/3/2014.

Chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tiên và giao cháu Võ Ngọc Thủy Kim cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hiện nay chị làm nghề buôn bán quán nhậu, thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 18/7/2018 và bản tự khai bổ sung ngày 10/8/2018, bị đơn anh Võ Đức Đ trình bày: Anh đồng ý ly hôn với chị Trương Thị Minh H. Về con chung, anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Ngọc Thủy K, sinh ngày 08/3/2014 và giao cháu Võ Ngọc Thủy T, sinh ngày 23/8/2008 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Anh làm cán bộ ở xã, mỗi tháng thu nhập 6.000.000 đồng đủ sức nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H; Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Ngọc Thủy T, sinh ngày 23/8/2008 và anh Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Ngọc Thủy K, sinh ngày 08/3/2014, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai là có cơ sở phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có. Chị H phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Giấy chứng nhận kết hôn số: 15, quyển số 01/2016 cấp ngày 21/8/2006

của UBND xã Cam Lập.

Giấy khai sinh mang tên Võ Ngọc Thủy T, Võ Ngọc Thủy K.

Chứng minh nhân dân mang tên Trương Thị Minh H, Võ Đức Đ.

Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Võ Đức Đ.

Đơn nguyện vọng của cháu Võ Ngọc Thủy T.

Biên bản xác minh ngày 10/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Võ Đức Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt vì anh ở xa, bận nhiều công việc, không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ theo Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[1.2] Chị Trương Thị Minh H yêu cầu ly hôn anh Võ Đức Đ. Yêu cầu của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị H và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có Đ ký kết hôn và được UBND xã Cam Lập, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 15, quyển số 01/2006, cấp ngày 21/8/2006. Do đó, hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Chị H yêu cầu được ly hôn anh Đ vì chị không chấp nhận người chồng ngoại tình, chị nhiều lần khuyên giải nhưng không thành, vợ chồng xảy ra kinh cãi, bất hòa nên chị không còn chung sống với anh Đ và vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị xác định tuy chị còn chút tình cảm với anh Đ nhưng vì anh Đ vẫn qua lại với người phụ nữ khác chị không chấp nhận kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh Võ Đức Đ. Anh Đ tuy không có ý kiến gì về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị H, anh cũng không tham gia phiên hòa giải và có đơn xin vắng mặt hòa giải và xét xử, điều đó chứng tỏ giữa anh và chị H không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, không còn yêu thương nhau. Tại biên bản xác minh ngày 10/8/2018, chính quyền địa phương cho biết: “Vợ chồng lục đục cãi vã thường xuyên...vợ chồng không còn chung sống với nhau”.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu được ly hôn anh Đ là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là Võ Ngọc Thủy T, sinh ngày: 23/8/2008; Võ Ngọc Thủy K, sinh ngày: 08/3/2014. Chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và giao

cháu Võ Ngọc Thủy K cho anh Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hiện nay chị làm nghề buôn bán quán nhậu, thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Anh Đ yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Ngọc Thủy K, sinh ngày: 08/3/2014 và giao cháu Võ Ngọc Thủy T, sinh ngày: 23/8/2008 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Anh làm cán bộ ở xã, mỗi tháng thu nhập 6.000.000 đồng đủ sức nuôi con.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Cháu Võ Ngọc Thủy T hiện nay do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng được chung sống với chị H. Đối với cháu Võ Ngọc Thủy K, cả chị H và anh Đ đều yêu cầu giao cháu cho anh Đ nuôi dưỡng, hơn nữa cháu K hiện nay do anh Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh Đ là cán bộ xã, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi cháu. Do đó, chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Ngọc Thủy T và giao cháu Võ Ngọc Thủy K cho anh Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu T và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H và anh Đ về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung*: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.5] *Về án phí*: Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Minh H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị Minh H được ly hôn với anh Võ Đức Đ.

2. *Về con chung*: Chị Trương Thị Minh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu: Võ Ngọc Thủy T, sinh ngày: 23/8/2008; Giao cháu Võ Ngọc Thủy K, sinh ngày: 08/3/2014 cho anh Võ Đức Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trương Thị Minh H và anh Võ Đức Đ về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Chị Trương Thị Minh H và anh Võ Đức Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí*: Chị Trương Thị Minh H nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0012410 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị Trương Thị Minh H đã nộp đủ.

Chị Trương Thị Minh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Võ Đức Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND xã Cam Lập, thành phố C
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Huy